

CHÍNH PHỦ
Số: 83/1998/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 1998

NGHỊ ĐỊNH
Về đăng ký hộ tịch

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Để thực hiện thống nhất việc quản lý nhà nước về hộ tịch, nhằm tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi đăng ký hộ tịch;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Hộ tịch và đăng ký hộ tịch

Hộ tịch là những sự kiện cơ bản xác định tình trạng nhân thân của một người từ khi sinh ra đến khi chết.

Đăng ký hộ tịch theo quy định của Nghị định này là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền:

1. Xác nhận các sự kiện: Sinh; kết hôn; tử; nuôi con nuôi; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; thay đổi họ, tên, chữ đệm; cải chính họ, tên, chữ đệm, ngày, tháng, năm sinh; xác định lại dân tộc; đăng ký khai sinh, khai tử quá hạn; đăng ký lại các việc sinh, tử, kết hôn, nhận nuôi con nuôi;

2. Căn cứ vào quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, ghi vào sổ đăng ký hộ tịch các việc về ly hôn, xác định cha, mẹ, con, thay đổi quốc tịch, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự, hạn chế năng lực hành vi dân sự, huỷ hôn nhân trái pháp

luật, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc những sự kiện khác do pháp luật quy định. Giấy tờ hộ tịch do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo thủ tục, trình tự được quy định tại Nghị định này là bằng chứng công nhận các sự kiện về hộ tịch, làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền và nghĩa vụ của cá nhân, tổ chức.

Điều 2. Mục đích quản lý hộ tịch Quản lý hộ tịch là công việc thường xuyên của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện để theo dõi thực trạng và sự biến động về hộ tịch, nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, tại cơ sở xây dựng, phát triển kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng và chính sách dân số, kế hoạch hoá gia đình.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ đăng ký hộ tịch Các sự kiện hộ tịch đều phải được đăng lý tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Nghị định này.

Cá nhân, tổ chức có quyền và nghĩa vụ đăng ký hộ tịch. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có nghĩa vụ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật về hộ tịch và có trách nhiệm tạo điều kiện để cá nhân, tổ chức thực hiện quyền và nghĩa vụ đăng ký hộ tịch.

Điều 4. Nguyên tắc đăng ký, kiểm tra và xử lý các vi phạm về hộ tịch

Việc đăng ký, kiểm tra và xử lý các vi phạm về hộ tịch phải được thực hiện kịp thời, khách quan, chính xác theo quy định của Nghị định này và những quy định khác của pháp luật về hộ tịch.

Điều 5. Đăng ký và quản lý hộ tịch có yếu tố nước ngoài

Việc đăng ký và quản lý hộ tịch có yếu tố nước ngoài được thực hiện theo quy định của Nghị định này và những quy định khác của pháp luật về hộ tịch. Trong trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác với Nghị định này và những quy định khác của pháp luật về hộ tịch, thì áp dụng điều ước quốc tế đó.

Điều 6. Việc lưu sổ đăng ký hộ tịch

Sổ đăng ký hộ tịch được lưu ở hai cấp: một bộ sổ lưu tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) nơi đăng ký hộ tịch

và một bộ sổ lưu tại Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

Điều 7. Lệ phí hộ tịch

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi đăng ký hộ tịch được thu lệ phí. Mức thu lệ phí, việc miễn, giảm lệ phí và chế độ sử dụng lệ phí do Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định.

Chương II

QUẢN LÝ HỘ TỊCH

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tư pháp và Bộ Ngoại giao trong quản lý hộ tịch

1. Bộ Tư pháp giúp Chính phủ thống nhất quản lý hộ tịch, có nhiệm vụ quyền hạn sau đây:

- a. Soạn thảo các dự án luật, pháp lệnh về hộ tịch;
- b. Trình Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về đăng ký và quản lý hộ tịch;
- c. Hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ chuyên môn về hộ tịch;
- d. Ban hành, quản lý và hướng dẫn việc sử dụng thống nhất các loại sổ sách, biểu mẫu hộ tịch;
- đ. Thống kê hộ tịch;
- e. Thanh tra, kiểm tra về đăng ký và quản lý hộ tịch;
- g. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về hộ tịch theo thẩm quyền;
- h. Hàng năm tổng hợp tình hình và báo cáo Chính phủ về công tác hộ tịch;
- i. Hợp tác quốc tế về hộ tịch.

2. Trong đăng ký và quản lý hộ tịch, Bộ Ngoại giao có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- a. Phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức thực hiện việc đăng ký và quản lý hộ tịch của các Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan lãnh sự ở nước ngoài (sau đây gọi chung là Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan lãnh sự) theo quy định của pháp luật về hộ tịch;

- b. Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác hộ tịch ở Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài;
- c. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về hộ tịch theo thẩm quyền;
- d. Tổng hợp tình hình và thống kê các số liệu hộ tịch ở nước ngoài gửi cho Bộ Tư pháp theo định kỳ sáu tháng và hàng năm.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong quản lý và đăng ký hộ tịch

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thống nhất quản lý hộ tịch trong địa phương mình, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:
 - a. Chỉ đạo, kiểm tra, tổ chức thực hiện việc đăng ký và quản lý hộ tịch theo quy định của Nghị định này đối với Ủy ban nhân dân các cấp trong địa phương mình;
 - b. Xây dựng hệ thống tổ chức đăng ký và quản lý hộ tịch trong địa phương mình;
 - c. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, vận động nhân dân chấp hành các quy định của pháp luật về hộ tịch;
 - d. Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác hộ tịch của Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện);
 - đ. Đăng ký các sự kiện hộ tịch phát sinh ở địa phương cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về hộ tịch;
 - e. Cho phép thay đổi họ, tên, chữ đệm; cải chính họ, tên, chữ đệm, ngày, tháng, năm sinh; xác định lại dân tộc;
 - g. Đăng ký quá hạn các sự kiện hộ tịch thuộc thẩm quyền đăng ký của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
 - h. Đăng ký lại các sự kiện hộ tịch do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã đăng ký;
 - i. Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ gốc;
 - k. Tổng hợp tình hình và báo cáo thống kê các số liệu hộ tịch cho Bộ Tư pháp theo định kỳ sáu tháng và hàng năm;
 - l. Lưu trữ sổ sách, hồ sơ hộ tịch từ Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển lên và sổ sách, hồ sơ hộ tịch đăng ký tại Ủy ban nhân dân

n cấp tỉnh;

m. Quản lý, sử dụng các loại sổ sách, biểu mẫu hộ tịch theo quy định của Bộ Tư pháp;

n. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm về đăng ký và quản lý hộ tịch theo thẩm quyền.

2. Sở Tư pháp giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp huyện trong quản lý hộ tịch

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý hộ tịch trong địa phương mình, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a. Chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện công tác đăng ký và quản lý hộ tịch trong địa phương mình;

b. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, vận động nhân dân chấp hành các quy định của pháp luật về hộ tịch;

c. Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ hộ tịch tư pháp trong địa phương mình;

d. Tổng hợp tình hình và báo cáo thống kê các số liệu hộ tịch cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo định kỳ sáu tháng và hàng năm;

đ. Quản lý việc sử dụng các loại sổ sách, biểu mẫu hộ tịch theo quy định của Bộ Tư pháp;

e. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về đăng ký và quản lý hộ tịch theo thẩm quyền.

2. Phòng Tư pháp giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã trong đăng ký và quản lý hộ tịch

1. Trong lĩnh vực quản lý hộ tịch, Ủy ban nhân dân cấp xã có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a. Đăng ký sinh; kết hôn; tử; nuôi con nuôi; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; đăng ký khai sinh, khai tử quá hạn; đăng ký lại việc sinh, tử, kết hôn, nhận nuôi con nuôi;